

Số: 119/KH-HĐTĐ

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2023

KẾ HOẠCH

**Thẩm định Hồ sơ Quy hoạch vùng Tây Nguyên
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Thực hiện quy định của pháp luật về quy hoạch, Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định số 1311/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (viết tắt là Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng) và đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 9197/TTr-KHĐT ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc thẩm định hồ sơ Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng ban hành Kế hoạch thẩm định hồ sơ Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

I. KẾ HOẠCH THẨM ĐỊNH

1. Mục đích

a) Xây dựng tiến độ tổng thể để thực hiện các nhiệm vụ trong quá trình tổ chức thẩm định Quy hoạch và thẩm định Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch vùng Tây Nguyên theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Tổ chức thực hiện và theo dõi, đôn đốc thực hiện tiến độ thẩm định theo đúng Kế hoạch thẩm định đề ra.

2. Yêu cầu

a) Xác định nhiệm vụ cụ thể, phân công trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian thực hiện và sản phẩm đầu ra trong quá trình thẩm định Quy hoạch và thẩm định Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Đề xuất việc tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia và tổ chức liên quan về nội dung quy hoạch Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (nếu cần thiết).

3. Nội dung thẩm định

Thẩm định Quy hoạch và thẩm định Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

của quy hoạch vùng Tây Nguyên theo quy định tại Điều 32 Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 và khoản 4 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

4. Các bước thực hiện, nhiệm vụ của Hội đồng và các đơn vị liên quan trong quá trình thẩm định

Theo Phụ lục I đính kèm.

II. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THẨM ĐỊNH NỘI DUNG QUY HOẠCH VÙNG TÂY NGUYÊN

Ngoài việc có ý kiến thẩm định chung đối với hồ sơ Quy hoạch vùng Tây Nguyên (bao gồm cả Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược); các Bộ, cơ quan ngang Bộ là thành viên Hội đồng thẩm định có trách nhiệm thẩm định theo nội dung chi tiết tại Phụ lục II đính kèm và các nội dung khác theo nhiệm vụ, chức năng quản lý.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch thẩm định này.

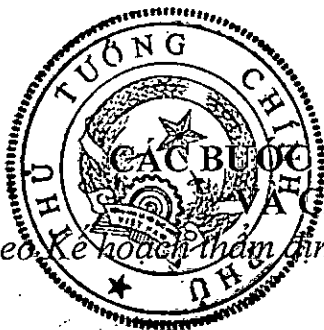
2. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tham mưu giúp Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Hội đồng thẩm định đôn đốc triển khai thực hiện các nội dung công việc theo đúng tiến độ tại Kế hoạch thẩm định này; thành viên Hội đồng thẩm định phối hợp chặt chẽ với cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định để hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch trình thẩm định theo quy định. Giao cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định phối hợp với các thành viên Hội đồng thẩm định chịu trách nhiệm khẩn trương hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch sau thẩm định theo quy định; phân đấu trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Quy hoạch vùng Tây Nguyên trước ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc những vấn đề phát sinh cần bổ sung, điều chỉnh, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng;
- Thành viên Hội đồng thẩm định;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: CN, TH, QHĐP, PL;
- Lưu: VT, HĐTD (2b). 15





Phụ lục I

**THỰC HIỆN, NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN, ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG
VÀ CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN TRONG QUÁ TRÌNH THẨM ĐỊNH**

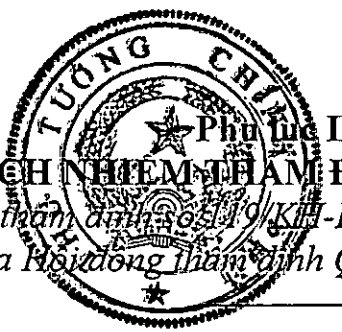
(Kèm theo Kế hoạch thẩm định số 119/KH-HĐTD ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng)

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn thực hiện | Sản phẩm |
|----|--|---|--|---|---|
| 1. | Xin ý kiến thẩm định của các Bộ, cơ quan ngang Bộ là thành viên Hội đồng thẩm định và chuyên gia phản biện đối với quy hoạch và Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch | Vụ Quản lý quy hoạch - Bộ KHĐT | Văn phòng Bộ KHĐT | Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hồ sơ trình thẩm định quy hoạch vùng được xác định là hợp lệ | Văn bản đề nghị các Bộ, ngành và chuyên gia phản biện tham gia ý kiến thẩm định |
| 2. | Ý kiến kiến thẩm định bằng văn bản đối với hồ sơ quy hoạch | Các thành viên HĐTD, Ủy viên phản biện quy hoạch và phản biện ĐMC | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Hoàn thành trước ngày 10/12/2023 | Văn bản tham gia thẩm định quy hoạch và ĐMC của thành viên HĐTD và Ủy viên phản biện đối với quy hoạch. |
| 3. | Đề xuất và chuẩn bị nội dung tổ chức hội thảo, tọa đàm xin ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học, Bộ, ngành đối với nội dung quy hoạch vùng Tây Nguyên và Báo cáo ĐMC | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; các chuyên gia, nhà khoa học | Trong thời gian tham gia ý kiến của các thành viên HĐTD hoặc sau ngày nhận được các ý kiến tham gia của các thành viên Hội đồng thẩm định với quy hoạch | Cho ý kiến tại hội thảo |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn thực hiện | Sản phẩm |
|----|---|-----------------------|-----------------------------------|--|--|
| 4. | Tổng hợp ý kiến tham gia thẩm định của thành viên Hội đồng, bao gồm cả Ủy viên phản biện. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Thành viên Hội đồng thẩm định | Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được ít nhất ba phần tư (3/4) ý kiến tham gia thẩm định bằng văn bản của thành viên Hội đồng thẩm định, bao gồm cả Ủy viên phản biện | Báo cáo của Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định |
| 5. | Xây dựng dự thảo báo cáo thẩm định quy hoạch (trong đó có nội dung thẩm định DMC) trình phiên họp thẩm định | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Tư vấn lập quy hoạch | Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được ít nhất ba phần tư (3/4) ý kiến tham gia thẩm định bằng văn bản của thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng | Dự thảo Báo cáo thẩm định |
| 6. | Chuẩn bị tài liệu phục vụ phiên họp của Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng và gửi Giấy mời dự phiên họp của Hội đồng thẩm định (kèm theo theo dự thảo báo cáo thẩm định) | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | VPCP, các thành viên HĐTĐ, tư vấn | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được ít nhất ba phần tư (3/4) ý kiến tham gia thẩm định bằng văn bản của thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng | Văn bản xin ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng thẩm định |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn thực hiện | Sản phẩm |
|-----|--|------------------------------------|-----------------------------------|--|--|
| 7. | Tổ chức họp thẩm định hồ sơ quy hoạch vùng Tây Nguyên | Chủ tịch HĐTĐ, các thành viên | VPCP, các thành viên HĐTĐ, tư vấn | Dự kiến ngày 21/12/2023 và theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng thẩm định sau khi nhận được ít nhất ba phần tư (3/4) ý kiến tham gia thẩm định bằng văn bản của thành viên Hội đồng thẩm định | Biên bản họp Hội đồng thẩm định |
| 8. | Hoàn thiện biên bản phiên họp và báo cáo thẩm định quy hoạch (trong đó có nội dung thẩm định ĐMC), trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định ban hành. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | VPCP, các thành viên HĐTĐ, tư vấn | Hoàn thành sau 15 ngày làm việc kể từ khi họp HĐTĐ | Báo cáo thẩm định |
| 9. | Rà soát hồ sơ quy hoạch do cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện, trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định văn bản xin ý kiến thành viên HĐTĐ để rà soát hồ sơ quy hoạch và báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | VPCP, các thành viên HĐTĐ, tư vấn | Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ quy hoạch tỉnh đã được tiếp thu, giải trình theo báo cáo thẩm định | Văn bản đề nghị thành viên Hội đồng, ủy viên phản biện rà soát hồ sơ quy hoạch đã hoàn thiện |
| 10. | Các Bộ, ngành, ủy viên phản biện cho ý kiến đối với việc giải trình, tiếp thu và hoàn thiện hồ sơ quy hoạch và báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch | Thành viên HĐTĐ, ủy viên phản biện | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ quy hoạch tỉnh đã được tiếp thu, giải trình theo báo cáo thẩm định. | Văn bản tham gia ý kiến của thành viên Hội đồng và ủy viên phản biện |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn thực hiện | Sản phẩm |
|----|---|-----------------------|---|--|--|
| 11 | Tổng hợp ý kiến rà soát hồ sơ quy hoạch của thành viên Hội đồng thẩm định; lập báo cáo kết quả rà soát, trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Thành viên Hội đồng thẩm định, bao gồm cả ủy viên phản biện | Dự kiến trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ quy hoạch tỉnh đã được giải trình, tiếp thu theo báo cáo thẩm định | Văn bản tổng hợp ý kiến rà soát của Bộ Kế hoạch và Đầu tư – cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định |
| 12 | Lưu trữ, bảo quản hồ sơ quy hoạch sau thẩm định | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Thành viên Hội đồng thẩm định, bao gồm cả ủy viên phản biện | Dự kiến sau 30 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định phê duyệt quy hoạch | Danh mục các tài liệu lưu trữ |



PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THẨM ĐỊNH NỘI DUNG QUY HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch thẩm định số 19/KH-HĐTD ngày 11 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng thẩm định Quy hoạch vùng)

| TT | Nội dung thẩm định (bao gồm cả sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu có liên quan đến từng nội dung) | Phân công trách nhiệm thẩm định |
|----|---|---|
| 1 | Hiện trạng phát triển kinh tế và quan điểm, mục tiêu về phát triển kinh tế của vùng | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 2 | Thực trạng phát triển và phương hướng phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn vùng | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 3 | Tiêu chí xác định dự án ưu tiên và bố cục dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch vùng | Các Bộ, ngành |
| 4 | Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch tỉnh | Các Bộ, ngành |
| 5 | Thực trạng thu chi ngân sách của vùng; Hệ thống kho dự trữ quốc gia trên địa bàn vùng. | Bộ Tài chính |
| 6 | Phương hướng phát triển ngành có lợi thế của vùng, ngành, lĩnh vực khác; phương án phát triển, sắp xếp, lựa chọn và phân bổ nguồn lực phát triển trên lãnh thổ vùng | Các Bộ có liên quan đến các ngành, lĩnh vực |
| 7 | Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, môi trường và Phương hướng bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (bao gồm cả phương hướng phát triển các khu bảo tồn) | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 8 | Phương hướng khai thác, bảo vệ tài nguyên nước lưu vực sông trên lãnh thổ vùng | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 9 | Thực trạng hệ thống đô thị và nông thôn; phương hướng xây dựng hệ thống đô thị, nông thôn | Bộ Xây dựng |
| 10 | Phương hướng phân bổ và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng cấp, thoát nước, xử lý nước thải, chuẩn bị kỹ thuật và các khu xử lý chất thải. Thực trạng và phương hướng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên lãnh thổ vùng. | Bộ Xây dựng |
| 11 | Thực trạng phát triển mạng lưới giao thông; phương hướng phân bổ và phát triển mạng lưới giao thông | Bộ Giao thông vận tải |

| TT | Nội dung thẩm định (bao gồm cả sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu có liên quan đến từng nội dung) | Phân công trách nhiệm thẩm định |
|----|--|--|
| 12 | Thực trạng phát triển và phương hướng phân bố, phát triển mạng lưới cấp điện, cung cấp năng lượng. | Bộ Công Thương |
| 13 | Thực trạng phát triển và phương hướng phân bố và phát triển kết cấu hạ tầng thương mại | Bộ Công Thương |
| 14 | Thực trạng phát triển và phương hướng phân bố, phát triển mạng lưới viễn thông (bao gồm cả các khu công nghệ thông tin tập trung) | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| 15 | Thực trạng phát triển và phương hướng phân bố, phát triển mạng lưới thủy lợi | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 16 | Thực trạng phát triển và phương hướng xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp tập trung | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 17 | Phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 18 | Thực trạng phát triển và phương hướng phân bố, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo | Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 19 | Thực trạng phát triển và phương hướng xây dựng khu nghiên cứu - đào tạo | Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 20 | Thực trạng phát triển và phương hướng phân bố, phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 21 | Thực trạng phát triển và phương hướng xây dựng khu du lịch; khu thể dục thể thao; khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 22 | Thực trạng phát triển và phương hướng phân bố, phát triển mạng lưới cơ sở y tế | Bộ Y tế |
| 23 | Thực trạng phát triển và phương hướng phân bố, phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề và bảo trợ xã hội | Bộ Lao động, Thương binh và xã hội |
| 24 | Thực trạng phát triển và phương hướng phân bố, phát triển mạng lưới cơ sở khoa học, công nghệ | Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 25 | Thực trạng phát triển và phương hướng xây dựng khu công nghệ cao | Bộ Khoa học và Công nghệ |

| TT | Nội dung thẩm định (bao gồm cả sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu có liên quan đến từng nội dung) | Phân công trách nhiệm thẩm định |
|----|--|---------------------------------|
| 26 | Thực trạng phát triển và phương hướng phân bố, phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy; các khu vực an ninh trên địa bàn vùng | Bộ Công an |
| 27 | Phương hướng đảm bảo quốc phòng; các khu vực quốc phòng trên địa bàn vùng | Bộ Quốc phòng |
| 28 | Thẩm định Danh mục dự án ưu tiên thực hiện thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành và tính khả thi của dự án | Các Bộ, ngành |
| 29 | Thẩm định Báo cáo kết quả đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch tỉnh | Bộ Tài nguyên và môi trường |
| 30 | Rà soát nội dung dự thảo quyết định phê duyệt đối với nội dung thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành | Các Bộ, cơ quan ngang bộ |